



MẠNG LƯỚI XÃ HỘI VÀ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ TĂNG CƯỜNG MẠNG LƯỚI XÃ HỘI ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG KHMER NHẬP CƯ Ở BÌNH DƯƠNG

Lê Anh Vũ

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Tác giả liên hệ: Lê Anh Vũ – Email: vula@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 17-02-2019; ngày nhận bài sửa: 18-3-2018; ngày duyệt đăng: 10-4-2019

TÓM TẮT

Mạng lưới xã hội chủ yếu của lao động Khmer nhập cư ở Bình Dương là hệ thống thân tộc và đồng hương, nhưng họ thường ít tham gia hoạt động của các tổ chức xã hội ở nơi làm việc và nơi tạm trú. Vì vậy, giải pháp hỗ trợ là cần phải có sự hiệp lực của các tổ chức chính thức và phi chính thức trong việc tăng cường mạng lưới xã hội đối với lao động Khmer nhập cư.

Từ khóa: mạng lưới xã hội, hỗ trợ mạng lưới xã hội, lao động Khmer nhập cư, tỉnh Bình Dương.

1. Đặt vấn đề

Khi nghiên cứu về lao động di cư Khmer, các tác giả đều đề cập tới vai trò quan trọng của mạng lưới đồng hương – thân tộc (Nguyễn Thị Hòa, 2009; Ngô Phương Lan, 2012; Ngô Thu Trang, 2016). Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu bàn sâu về việc thiết lập và tăng cường sự tham gia của lao động Khmer nhập cư vào các tổ chức đoàn thể xã hội tại địa phương nơi tạm trú và nơi làm việc, trong khi sự tham gia này hết sức cần thiết và quan trọng không chỉ đối với người lao động Khmer nhập cư mà còn là nơi họ đến sinh sống và làm việc trong việc đảm bảo chính sách dân tộc, ổn định tình hình kinh tế – xã hội ở địa phương. Chính vì lẽ đó, nghiên cứu về mạng lưới xã hội và hỗ trợ tăng cường mạng lưới xã hội đối với lao động Khmer nhập cư ở Bình Dương là cần thiết; từ đó, đề xuất những giải pháp có thể giúp lao động Khmer hội nhập tốt hơn ở không gian sống mới.

2. Nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nguồn dữ liệu của bài viết là kết quả của đề tài nghiên cứu “*Hỗ trợ sinh kế đối với lao động Khmer nhập cư tại Bình Dương*” do chúng tôi làm chủ nhiệm đề tài. Về mẫu nghiên cứu được tính dựa trên ước lượng theo số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về “*tình hình di dân của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Bình Dương*”. Tính tới ngày 08/8/2018, có 18.655 người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực này, trong đó, người Khmer chiếm khoảng 90%. Dựa trên tổng thể này, dung lượng mẫu cần khảo sát là:

$$n = \left(\frac{N}{1+N.e^2} \right) * 0.9 = \frac{16790}{1+16790.(0.05)^2} * 0.9 = 360$$

Chúng tôi chọn mẫu theo cách phân tầng theo tiêu chí loại hình công việc là công nhân và lao động làm thuê trong các cơ sở sản xuất nhỏ ở ba địa bàn: thị xã Thuận An, thị xã Bến Cát và huyện Phú Giáo. Sở dĩ chúng tôi chọn địa bàn khảo sát này là dựa trên thực phát triển công nghiệp của tỉnh Bình Dương và mỗi địa bàn đại diện có những đặc thù riêng về lao động Khmer nhập cư.

Ở dữ liệu định lượng, kỹ thuật mà bài viết sử dụng là các thống kê mô tả tần số, tần suất và điểm trung bình. Trong đó, mức độ thường xuyên và mức độ hiệu quả trong các hoạt động hỗ trợ việc làm được tính theo quy ước sau:

Bảng 1. Quy ước về giá trị trung bình

Giá trị trung bình	Mức độ thường xuyên	Mức độ hiệu quả
1.00 – 1.80	Không nhận hỗ trợ	Rất không hiệu quả
1.81 – 2.60	Hiếm khi	Không hiệu quả
2.61 – 3.40	Thỉnh thoảng	Bình thường
3.41 – 4.20	Thường xuyên	Hiệu quả
4.21 – 5.00	Rất thường xuyên	Rất hiệu quả

Về dữ liệu định tính, các phỏng vấn được tiến hành khi đã tạo được mối quan hệ tin cậy và thường được ghi chép lại dưới dạng nhật kí điền dã theo nguyên tắc viết lại một cách trung thực những suy nghĩ, trải nghiệm của họ về cuộc sống bản thân và gia đình, cộng đồng về những hỗ trợ mà họ được nhận trong bước đường mưu sinh.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Thực trạng về mạng lưới xã hội của lao động Khmer nhập cư

Nhắc đến mạng lưới xã hội, người ta thường đề cập mạng lưới quen biết của một người. Kết quả khảo sát cho thấy: trung bình lao động Khmer nhập cư có 5,8 bạn bè là người Bình Dương; họ có trung bình 13,9 người bạn là người nhập cư cùng quê và có trung bình 15,7 người cùng dân tộc. Điều này, cũng phản ánh mạng lưới xã hội chính yếu của lao động Khmer nhập cư là thân tộc và đồng hương.

Bảng 2. Tỷ lệ người quen biết và người giúp đỡ

	% Trường hợp quen biết*	% Trường hợp giúp đỡ*
Công an	1,4	1,6
Tổ trưởng khu phố	1,0	0,9
Cán bộ địa phương	2,7	4,1
Quản lí nơi làm việc	15,2	13,9
Chức sắc tôn giáo	0,3	0,5
Chủ nhà trọ	25,8	26,6
Người đồng hương	36,3	38,2
Không thân thiết/nhận giúp đỡ	12,1	14,2
Tổng	100,0	100,0

Ghi chú: * Kết quả xử lí theo lượt trả lời

Kết quả xử lý số liệu cho thấy đáp án của câu hỏi về “người quen biết và người giúp đỡ khi khó khăn” đã phản ánh nhận định trên khi có đến 36,3% người trả lời cho rằng mình quen thân với người đồng hương và cũng chính mạng lưới đồng hương hỗ trợ họ khi gặp khó khăn với tỉ lệ cao nhất là 38,2%. Ngoài đồng hương thì những người “chủ nhà trọ” cũng là những người được lao động Khmer trong mẫu nghiên cứu này nhắc đến nhiều thứ hai ở hai phương diện là người quen biết và người giúp đỡ với tỉ lệ tương ứng là 25,8% và 26,6%.

Xếp thứ ba trong những người giúp đỡ lao động Khmer khi gặp khó khăn là “quản lý nơi làm việc” với gần một phần tư số người trong mẫu khảo sát đề cập (15,2%).

Trong những hỗ trợ quan trọng và cụ thể như: tìm kiếm việc làm, thông tin việc làm, phương tiện sinh hoạt, cho mượn tiền, nhà trọ thì vai trò của hệ thống thân tộc thể hiện rõ nét như ở Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Vai trò của hệ thống thân tộc – đồng hương trong hỗ trợ sinh kế

	Mức độ thường xuyên (\bar{x})	Mức độ hiệu quả (\bar{x})	Tỉ lệ được nhận hỗ trợ (%)	Nguồn hỗ trợ chính*
1 Thông tin về việc làm	1,66	3,46	34,7	Thân tộc – đồng hương (31,2)
2. Tìm kiếm việc làm	2,7	3,28	70,8	Thân tộc – đồng hương (67,4)
3. Cho mượn tiền	1,91	3,55	54,7	Thân tộc – đồng hương (35,7)
4. Nhà trọ/nơi ở	2,20	3,54	59,2	Thân tộc – đồng hương (26,8)
5. Phương tiện sinh hoạt	1,97	3,49	49,7	Thân tộc – đồng hương (60,3)

(*) Tỉ lệ này được tính trên số người được nhận hỗ

Có thể thấy gần như những vấn đề thiết yếu nhất tại nơi ở mới thì lao động Khmer đều dựa vào mạng lưới thân tộc – đồng hương của mình. Đơn cử về việc làm, có đến 67,4% là nhờ vào mạng lưới này, hay việc hỗ trợ “phương tiện sinh hoạt” thì lao động Khmer nhập cư nhờ vào những người bà con và cùng quê của mình lên tới 60,3%.

Kết quả từ nghiên cứu định tính cũng cho thấy vai trò quan trọng của mạng lưới đồng hương này trong việc hỗ trợ lao động Khmer nơi đất khách. Sự giúp đỡ từ người đi trước luôn nhận được sự biết ơn và ghi nhớ của những người di dân dù có thể những người này đã về quê hoặc không còn giữ được mối quan hệ thân tình vì nhiều lí do khác nhau (Xem phụ lục 1 và 2).

Chính trong giai đoạn đầu khi đến Bình Dương lập nghiệp, hệ thống thân tộc và đồng hương là chỗ dựa vững chắc cho những người di dân. Ở đây, chúng ta có thể nhận ra tính cố kết cộng đồng, sự tương tác qua lại được coi như nguồn vốn quan trọng và nó tạo nên sự gắn bó và trợ giúp lẫn nhau trước những khó khăn về sinh kế. Từ thực tiễn trên, việc cần phải có các hoạt động hỗ trợ sinh kế là rất cần thiết nhằm giúp cải thiện các nguồn vốn mà họ đang thiếu như hỗ trợ đào tạo nghề, cung cấp thông tin về các dịch vụ phúc lợi xã hội như chăm sóc sức khỏe, giáo dục con cái, hỗ trợ vay vốn, chỗ ở... là những hoạt động hỗ trợ rất cần được triển khai. Tuy nhiên, các hoạt động phải xuất phát từ nhu cầu thực sự của người dân cũng như cần dựa vào chính mạng lưới thân tộc và đồng hương của họ để có thể phát huy hiệu quả.

3.2. Giải pháp hỗ trợ tăng cường mạng lưới xã hội

Từ thực trạng đã phân tích, có thể thấy mạng lưới xã hội của lao động Khmer nhập cư chủ yếu là thân tộc – đồng hương. Đây có thể là chỗ dựa vững chắc cho họ trong thời gian đầu khi tới Bình Dương, nhưng xét về lâu dài thì họ cần phải được hỗ trợ tham gia mạng lưới xã hội chính thức ở địa phương và nơi làm việc. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm ra giải pháp hỗ trợ sinh kế dưới cách tiếp cận của công tác xã hội. Bởi lẽ, khi họ tham gia vào các hoạt động cộng đồng này thì nguồn vốn xã hội của họ sẽ được cải thiện, sẽ có nhiều hơn các cơ hội tiếp cận với các hoạt động hỗ trợ mà địa phương nơi họ di cư tổ chức.

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy trong hoạt động hỗ trợ tăng cường mạng lưới xã hội thì tỉ lệ lao động Khmer tiếp nhận được là thấp. Tiêu biểu chỉ có 9,4% là có tham gia chi hội Thanh niên công nhân hay 7,5% tham gia vào hợp tổ dân phố/ xóm ở địa phương. Kết quả này phản ánh xu hướng “tách biệt” giữa cộng đồng lao động Khmer nhập cư với các hoạt động của địa phương trong mẫu nghiên cứu này. Đây là thực trạng rất cần nghiên cứu và làm rõ. Phải chăng lao động nhập cư Khmer đã và đang đóng góp cho sự phát triển của vùng đất này nhưng dường như họ vẫn chưa thực sự hòa nhập với đời sống của địa phương nơi họ sinh sống và làm việc? Nhận định trên còn có thể được củng cố khi nhìn vào điểm trung bình đánh giá về mức độ thường xuyên đều nằm ở mức “*rất không thường xuyên*” (điểm trung bình từ 1,14 đến 1,65). Để khắc phục thực trạng trên, các tổ chức đoàn thể xã hội ở địa phương như Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ cần phải gần gũi, sâu sát để tạo được mối quan hệ thân thiết và tin cậy với lao động Khmer. Ngoài ra, các hoạt động cần có bước tìm hiểu và đánh giá nhu cầu để có thể thu hút và đáp ứng được những mong đợi của họ.

Xét ở khía cạnh mức độ hiệu quả từ những người được nhận hỗ trợ thì có những tín hiệu đáng khích lệ khi điểm trung bình đánh giá lại khá cao và điều nằm ở mức “*hiệu quả*” với điểm trung bình từ 3,33 đến 3,96 (xem Bảng 4).

Bảng 4. Hoạt động hỗ trợ tăng cường mạng lưới xã hội

	Mức độ thường xuyên (\bar{x})	Mức độ hiệu quả (\bar{x})	Tỉ lệ được nhận hỗ trợ (%)	Người hỗ trợ chính* (%)
1. Kết nối tham gia hội đoàn thể ở nơi làm việc	1,52	3,44	25,3	Đồng nghiệp (33,0)
2. Kết nối tham gia hội đồng hương	1,65	3,96	45,0	Thân tộc – đồng hương (79,2)
3. Kết nối tham gia đoàn thể nơi cư trú	1,18	3,74	9,4	Cán bộ xã hội (47,1)
4. Kết nối tham gia tổ dân phố/xóm	1,14	3,33	7,5	Chủ nhà trợ (55,6)

(*) Tỉ lệ này được tính trên số người được nhận hỗ trợ

Khi so sánh giữa loại hình công việc và mức độ hiệu quả các hoạt động hỗ trợ mạng lưới xã hội, kết quả kiểm định T-test cho thấy không có sự khác biệt. Tương tự, không có tương quan giữa số năm ở Bình Dương và mức độ hiệu quả của hoạt động này.

Kiểm định sự khác biệt giữa các nhóm học vấn trong đánh giá mức độ hiệu quả hỗ trợ mạng lưới xã hội cũng cho thấy không có sự khác biệt trong đánh giá các nhóm học vấn (xem Bảng 5).

Bảng 5. Kiểm định sự khác biệt trong đánh giá mức độ hiệu quả hỗ trợ tăng cường mạng lưới xã hội theo nhóm học vấn

	Mức độ hiệu quả trong hỗ trợ tăng cường mạng lưới xã hội	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Mù chữ	3.80	.434
Cấp 1	3.78	.610
Cấp 2	3.72	.740
Cấp 3 trở lên	3.85	.743
Giá trị kiểm định ANOVA		.837

Ở dữ liệu nghiên cứu định tính, khi được hỏi về việc tham gia các sinh hoạt do hội, đoàn thể tổ chức, hầu hết các ý kiến đều cho rằng mình ít hoặc hầu như không tham gia (xem phụ lục 3). Tuy nhiên, thực tế diễn dã dài ngày tại cộng đồng lao động Khmer nhập cư ở phường Bình Hòa – thị xã Thuận An cho thấy chính quyền địa phương cũng rất quan tâm đến các hoạt động lễ tết của lao động Khmer nhập cư và thông qua Hội Liên hiệp Thanh niên của phường hằng năm đều tổ chức các ngày lễ tết lớn như Chol Chnam Thmay hay Ok Bom Bok, thu hút rất đông sự tham gia của lao động Khmer trong và ngoài phường (xem phụ lục 4).

Như vậy, có thể thấy việc tham gia vào các hoạt động văn hóa của địa phương hay tổ chức lễ tết theo phong tục cổ truyền của người Khmer gắn liền với sự quan tâm của chính quyền địa phương. Ở đây, vai trò của các cán bộ Đoàn phường là rất quan trọng khi chính họ là những người tư vấn, tham mưu để Đảng ủy Phường hiểu rõ ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của các ngày lễ tết truyền thống đối với cộng đồng lao động Khmer nhập cư. Chính việc đáp ứng nhu cầu này đã giúp bà con cảm thấy gắn bó hơn với vùng đất mới, đó cũng là dịp để người dân bản địa và lao động Khmer nhập cư giao lưu văn hóa và hiểu nhau hơn. Chính vì thế, những hoạt động như phường Bình Hòa tổ chức rất cần được khuyến khích và nhân rộng. Ngoài ra, các chi hội thanh niên công nhân nhà trọ hay chi hội phụ nữ cần tổ chức những chương trình thiết thực và phù hợp với nhu cầu của lao động Khmer thì mới có thể thu hút sự tham gia của họ. Điều này, không những giúp ích đối với lao động Khmer nhập cư mà còn góp phần đảm bảo tình hình an ninh trật tự xã hội của địa phương.

Ở nơi làm việc, để đảm bảo quyền lợi cho công nhân lao động, các công ti luôn có tổ chức công đoàn. Tuy nhiên, việc tham gia vào những hoạt động do công đoàn tổ chức đối với lao động Khmer trong nghiên cứu này dường như xa lạ. Có lẽ, họ không tin vào tổ chức này và ngại tham gia (xem phụ lục 5). Không chỉ trong tham gia các hoạt động công đoàn, cách ứng xử trước những sự cố tại nơi làm việc cũng cho thấy một tâm thế “cầu an” của họ (xem phụ lục 6).

Trong những diễn ngôn về thân phận của mình ở nơi làm việc, những ngôn từ mà lao động Khmer sử dụng trong nghiên cứu này mang tính “*biết thân biết phận*” bộc lộ trạng thái chấp nhận. Với họ, có lẽ sự yên ổn để có công việc làm là quan trọng hơn việc đấu tranh đòi quyền lợi, dù công việc có nặng nhọc, lương thấp nhưng vẫn tốt hơn so với ở quê. Những dữ kiện trên cho thấy chính bản thân lao động Khmer đang kiến tạo nên hình ảnh an phận, không phản ánh sự bị động mà ngược lại đó chính là chiến lược sống dựa trên sự cân nhắc về bản thân và bối cảnh tại nơi làm việc. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra thách thức cho các tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi người lao động ở những nơi có nhiều lao động Khmer đang làm việc trong tuyên truyền nâng cao nhận thức của họ về lợi ích của việc tham gia vào các tổ chức xã hội. Để khắc phục tâm thế này, các công ti có đông lao động Khmer làm việc cần tổ chức tuyên truyền về lợi ích khi tham gia các tổ chức như Công đoàn. Trong đó, cần phát huy vai trò của những lao động tích cực, năng động có uy tín đối với lao động Khmer và nên thuyết phục họ tham gia vào Ban chấp hành Công đoàn.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mạng lưới xã hội chính và đóng vai trò quan trọng đối với lao động Khmer nhập cư ở Bình Dương là hệ thống thân tộc đồng hương. Điều này thể hiện đặc trưng văn hóa về tính cố kết và tương trợ lẫn nhau của cộng đồng Khmer di cư.

Tuy nhiên, việc ít tham gia các hoạt động của các tổ chức đoàn thể xã hội ở nơi làm việc và nơi ở cũng là một rào cản để lao động Khmer có thể tiếp cận các chính sách, các chương trình hỗ trợ chính thức mà tỉnh Bình Dương đã và đang cố gắng triển khai. Thực tế này, cũng đòi hỏi các tổ chức đoàn thể xã hội cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để lao động Khmer hiểu được lợi ích khi tham gia. Mặt khác, khi tổ chức hoạt động cần phải đánh giá nhu cầu cũng như phải phù hợp với đặc điểm văn hóa của đồng bào Khmer. Cuối cùng, những thực tế nghiên cứu này gợi nhớ đến quan điểm “hiệp lực” của K. Meagher (2007, tr.411) khi ông cho rằng, để giúp người dân thích ứng với sự biến đổi xã hội, tạo điều kiện cho họ tham gia vào tiến trình dân chủ cần có sự “hiệp lực” giữa định chế chính thức và phi chính thức. Trong đó, định chế phi chính thức có khả năng cải thiện hiệu lực của các định chế chính thức do chúng có năng lực góp sức vào hệ thống chính quyền địa phương, vào việc huy động người dân, việc cung ứng dịch vụ, cũng như vào lĩnh vực giải quyết các xung đột. Chính vì thế, để đáp ứng nhu cầu của lao động Khmer nhập cư, cần có sự hỗ trợ và hợp tác giữa các định chế và mạng lưới thân tộc – đồng hương theo hướng bổ sung và phát huy điểm mạnh của nhau.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Phương Lan. (2012). Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Nghiên cứu con người*, 3, 44-54.
- Nguyễn Thị Hòa. (2009). *Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới thành phố Hồ Chí Minh (Nghiên cứu tại phường 9, thị xã Trà Vinh)*. Hội thảo Việt Nam học lần thứ 3, 350-374. Hà Nội.
- Ngô Thị Thu Trang, Hồ Kim Thi, Châu Thị Thu Thủy, và Ngô Hoàng Đại Long. (2016). Thích ứng sinh kế của người nhập cư Khmer tại quận ven đô: Điển cứu tại phường Bình Trị Đông B và phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. *Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 19, 89-104.
- Meagher, K. (2007). Introduction: Special issue on 'informal institutions and development in Africa'. *Africa Spectrum*, 42(3), 405-418.

PHỤ LỤC

1. “Hồi đó, tui về thấy anh S. khó khăn, con bệnh không có tiền cũng thấy thương nên giới thiệu lên Bình Dương, lên khu trọ nhà bà Tư đó, tui bảo lãnh cho ở trọ rồi nói với bà Út bán quán để hai vợ chồng nó mua chịu đồ, chuyện giúp đỡ này cũng bình thường vì cùng là người mình, mình thương nhau chớ, ngay như tui cũng là do bà con giới thiệu lên đây, chứ tui cũng đâu có biết gì trên này đâu?”

(PVS4, Nam lao động tự do, 37 tuổi, Thuận An)

2. “Mới có gia đình hàng xóm ở quê lên mới lên có hai ngày à, chưa mua được đồ xài nên lại mượn tô, mượn nồi của em đó, em nói cứ lấy tự nhiên xài, thiếu gì cứ lấy đi, đừng có ngại gì hết tron hết. Minh thấy họ là mình nhớ đến ngày xưa của mình nên cũng thương họ lắm”

(PVS3, Nữ, công nhân, 36 tuổi, Thuận An)

3. “Đi làm tối ngày về nhà thì cũng ở trong nhà, chứ không có đi đâu hết, chỉ có chủ nhật được nghỉ thì mình cũng trò chuyện vui chơi với chị em trong khu trọ thôi chứ cũng không có đi đâu bên ngoài, trong khu này đa số là người dân tộc của mình nên cũng dễ nói chuyện mà bà con tui trên đây, gia đình họ Lâm đó cũng có nhiều đến 5-6 người lặn nên cũng có bà con đồ. Nói ngay, ở trong khu này quen nhau hết nên cũng không có mất mát gì đâu”.

(PVS 10, Nữ, công nhân, 48 tuổi, Thuận An)

4. “Hôm nay là lễ mừng Chol Chnam Thmay do UBND phường phối hợp với chi hội Thanh niên công nhân tổ chức. Bản thân tôi cũng có sự bất ngờ trước sự tham gia rất đông của thanh niên công nhân Khmer, ước tính có khoảng 3000 người tham gia. Buổi lễ diễn ra trang trọng với nhiều tiết mục truyền thống như điệu Apsara rồi biểu diễn thời trang trong ngày cưới của người Khmer. Các nghi lễ “tắm núi cát” và “tắm phật” đều được thực hiện một cách tôn nghiêm và xúc động. Tôi thấy mọi người tham gia rất vui trong tiếng nhạc truyền thống Khmer réo rắt, nhìn ai cũng thấy phấn khởi. Tôi hỏi anh Triệu Vi L. là chi hội phó chi hội thanh niên công nhân Khmer cho biết: tui em ở đây cũng được sự quan tâm của chính quyền địa phương cũng như bên Đoàn Thanh niên cũng hỗ trợ anh em làm lễ tết cho bà con, mọi người cũng phấn khởi tham gia, làm xa quê mà những ngày lễ tết được tổ chức trang trọng như vậy là niềm vui của những người con xa quê. Rồi tổ chức lễ như vậy cũng là dịp để tui em giới thiệu truyền thống văn hóa của dân tộc mình đến với người dân địa phương để cùng giao lưu, học hỏi”

(Trích nhật kí điền dã ngày 15/4/2017)

5. “Trong công ti cũng có công đoàn chứ nhưng mà họ cũng làm thuê như mình nên cũng nghe lời ông chủ thôi hà, mình có gì thì tự chịu cho rồi chứ đi thưa thì cũng không được gì mà còn bị đố ý nữa”.

(PVS5, Nữ, công nhân, 36 tuổi, Thuận An)

6. “Minh thấy người ta ai cũng không có làm nữa kéo nhau đi ra công, rồi la lối tùm lum hết, em cũng sợ vì ai cũng đi mà em không đi cũng không được nhưng em muốn qua nhanh nhanh để còn yên ổn mà đi làm, với em có công việc như ở công ti là mừng lắm rồi nên chịu thiệt chút không sao, không có đòi hỏi gì. Em nhớ, lúc đó vừa sợ vừa vui. Ông chủ thì đứng ở trên la “Bây giờ làm ăn thua lỗ, tao còn có cái quần xà lỏn nè! Tụi bây (công nhân) có muốn lấy không? Dưới này, mọi người hô lấy luôn cho ông ở trần ở truồng luôn, cười quá trời quá đất! Công ti này tăng lương ít quá mà còn tăng theo kiểu xếp hạng A,B,C nữa, hồi năm đó, gần tết bà chị em cưới nên hai vợ chồng em về sớm mấy ngày vậy mà ông tăng lương ít hơn người khác, vợ chồng em người cũ làm lâu mà ông tăng có 10.000đ trong khi người mới lại tăng 15.000đ, chơi sóc hàng, em cũng bức xúc nhưng biết làm sao bây giờ! Bây giờ lương mấy người mới còn hơn lương của em luôn! Kì cục thiệt”.

(PVS7, Nữ, công nhân, 36 tuổi, Thuận An)

**SOCIAL NETWORK AND SOLUTIONS TO DEVELOPING SOCIAL NETWORK:
A STUDY OF KHMER IMMIGRANT WORKERS IN BINH DUONG PROVINCE**

Le Anh Vu

Thu Dau Mot University

Corresponding author: Le Anh Vu – Email: vula@tdmu.edu.vn

Received: 17/02/2019; Revised: 10/3/2019; Accepted: 10/4/2019

ABSTRACT

The main social network of Khmer immigrant workers in Binh Duong is the system of relatives and fellow citizens. However, they do not often participate in activities of social organizations in their workplace and temporary residence. Therefore, there should be synergies between formal and informal organizations to enhance social networks of Khmer immigrant workers

Keywords: social network, , Khmer immigrant workers, Binh Duong province.